

Bản án số: 467/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Thu Hiền

2. Ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hùng - Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị Lan P, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Đường A, phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 2/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị Lan P trình bày:

Bà và ông Trần Quốc T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Từ khi chung sống thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, do hai bên bất đồng quan điểm sống, lối sống; ông T là người gia trưởng, có hành vi bạo lực gia đình kể cả lúc bà đang

mang thai. Bà và ông T đã sống ly thân từ ngày 12/11/2017. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Quốc Phúc A và Trần Quốc Gia B. Hiện hai con đang chung sống với bà. Bà đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung. Yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con Phúc A 2.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi con Gia B 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

- Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Quốc T trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như bà P trình bày, ông và bà P đã sống ly thân từ ngày 12/11/2017 đến nay. Ông không đồng ý ly hôn với bà P vì ông vẫn còn thương vợ, không muốn gia đình bị chia rẽ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Quốc Phúc A và Trần Quốc Gia B

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

- Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T; Yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Bị đơn không đồng ý ly hôn; Yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con; Trường hợp Tòa án giao 02 con cho bà P nuôi dưỡng thì ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao 02 con chung Trần Quốc Phúc A và Trần Quốc Gia B cho bà P nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con

cho đến khi con đủ 18 tuổi của ông T. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà P yêu cầu ly hôn ông T và ông T cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà P và ông T thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống và ông T là người gia trưởng, có hành vi bạo lực gia đình kể cả lúc bà P mang thai. Bà P đã nhiều lần tha thứ, tạo điều kiện cho ông T sửa đổi nhược điểm của bản thân nhưng ông T không khắc phục được. Ông bà đã sống ly thân từ ngày 12/11/2017 và không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống. Việc ông T mong muốn vợ chồng hàn gắn vì còn thương vợ con, không muốn gia đình chia rẽ và gia đình không mâu thuẫn đến mức trầm trọng như bà P đã trình bày nhưng bà P kiên quyết ly hôn và ông T cũng không đưa ra được phương án nào để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà Trịnh Thị Lan P và ông Trần Quốc T.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của bà P, ông T thì có đủ căn cứ xác định bà P và ông T có 02 người con chung là Trần Quốc Phúc A và Trần Quốc Gia B

Tuy bà P và ông T cùng có yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con và ông bà cũng có đủ điều kiện để chăm sóc con nhưng việc quyết định giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng thì Hội đồng xét xử phải xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con.

Xét từ tháng 11/2017, trẻ Phúc A và trẻ Gia B trực tiếp ở với bà P và các trẻ vẫn phát triển bình thường. Đồng thời, trẻ Phúc A có nguyện vọng được ở với bà P

và trẻ Gia B còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: ... “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...” và thiết nghĩ không cần thiết phải thay đổi cuộc sống của 02 trẻ lâu nay. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà P được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con.

Xét tại phiên tòa, bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con nhưng ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của ông T và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự thông nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; ông T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trịnh Thị Lan P và ông Trần Quốc T

2. Về con chung: Giao bà Trịnh Thị Lan P trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc Phúc A và Trần Quốc Gia B. Ông T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Trần Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết
4. Về nợ chung: Không có
5. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Trịnh Thị Lan P chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trịnh Thị Lan P đã nộp đủ án phí

Án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Trần Quốc T chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Trịnh Thị Lan P và ông Trần Quốc T không còn giá trị pháp lý.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Giả

Trần Thị Ngọc Tuyên

Dương Thúy Quỳnh